

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 430/2025/HS-PT
Ngày 29-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2025 do có kháng cáo của các bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 317/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nghiêm Thị Quỳnh N (tên gọi khác: không có); giới tính: nữ; sinh ngày 19/3/1981 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: A đường H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 6/12 Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Á1 - Phòng G; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Phước Đ và bà Lê Thị Á; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/8/2024; có mặt.

2. La Bá P (tên gọi khác: không có); giới tính: nam; sinh ngày 28/4/1994 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: 203 ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: Số C đường số B, Khu phố F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Thủ quỹ Ngân hàng TMCP Á1 - Phòng G; Dân tộc: Kinh; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn T và bà Lư Thị N1; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/8/2024; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N:

Ông Phan Trung H, Phan Minh H1 đều là Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Trung H và ông Đoàn Ngọc C là Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: Bà Nguyễn Thị Bích T1 là Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H và bà Nguyễn Thị B là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2023, thông qua mạng xã hội Facebook, Hứa Hoàng L (Giao dịch viên quầy giao dịch Số G - Phòng G) quen biết đối tượng có tên Nguyễn Nhật T2 (chưa rõ lai lịch), T2 kết bạn với L qua mạng xã hội Viber thông qua số điện thoại 0325387602 và rủ L tham gia công việc nhận thanh toán đơn hàng trên ứng dụng website của trang bán hàng Lazada để nhận tiền hoa hồng thì L đồng ý. Ngày 13/9/2023, do không còn tiền để nhận thanh toán các đơn hàng trên Lazada, lợi dụng vị trí đang là Giao dịch viên của Phòng G, L đã nghĩ cách lấy tiền của Ngân hàng TMCP Á1 để thanh toán các đơn hàng rồi khi được hoàn tiền thì sẽ trả lại cho Ngân hàng sau. Ngày 13/9/2023, để lấy được tiền từ Ngân hàng TMCP Á1 thông qua Phòng G, L đã chiếm đoạt số tiền quỹ của Phòng G do L đang trực tiếp quản lý với số tiền 85.000.000 đồng. Tiếp đó, L đưa thông tin gian dối với các nhân viên khác của Phòng G là đã có đủ tiền mặt tại quầy giao dịch và tiền trong tài khoản Ngân hàng của L để các nhân viên khác của Ngân hàng TMCP Á1 tại Phòng G là Hồ Ngọc P1 (Giao dịch viên quầy giao dịch Số 4), Huỳnh Công D (Giao dịch viên quầy giao dịch Số C), La Bá P (Thủ quỹ) và Nghiêm Thị Quỳnh N (Kiểm soát viên giao dịch) thực hiện các thao tác nghiệp vụ chuyển tiền cho L. Do cùng làm chung và tin tưởng nhau nên các nhân viên tại Phòng G, khi thực hiện các thao tác nghiệp vụ đã vi phạm quy định về hoạt động của Ngân hàng, đã lập và kiểm soát 06 chứng từ nộp tiền không đúng theo quy định, chuyển tổng số tiền 5.219.520.000 đồng từ hộp quỹ Phòng G đến tài khoản của L và tài khoản của Trần Ngọc Đ1 theo đề nghị của L, tạo điều kiện giúp cho Hứa Hoàng L chiếm đoạt số tiền trên của Ngân hàng TMCP Á1. Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản, L chuyển tiền đến tài khoản của DO VAN HIEN và nhờ Đ1 chuyển tiền đến tài khoản đứng tên DO VAN HIEN (mở tại Ngân hàng V1), nhờ Nguyễn Thị Mỹ T3 chuyển tiền đến tài khoản Số 105879526752 đứng tên NGUYEN THI QUYNH NHU mở tại Ngân hàng V1 (do L hết hạn mức chuyển tiền trong ngày), đây là các tài khoản do trang thương mại điện tử Lazada Payment Processing mà L tham gia thanh toán để nhận hoa hồng yêu

cầu chuyển đến. Cụ thể hành vi phạm tội của các bị can như sau:

- **Lần thứ 1:** Khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 13/9/2023, L đến gặp La Bá P (Thủ quỹ) xin ứng số tiền 100.000.000 đồng tiếp quỹ là tiền Ngân hàng cho Giao dịch V nhận, giữ, quản lý để giao dịch với khách hàng hàng ngày. Sau đó, L đưa số tiền 85.000.000 đồng (lấy từ số tiền vừa ứng của P) cho Hồ Ngọc P1, yêu cầu P1 làm Giấy nộp tiền vào tài khoản của L. P1 làm Giấy nộp tiền Số 63 ngày 13/9/2023, nội dung: “NT”, số tiền 85.000.000 đồng đến tài khoản Số 20161047, đứng tên HUA HOANG LAN, mở tại Ngân hàng TMCP Á1. Có tiền trong tài khoản, L đã chuyển hết số tiền 85.000.000 đồng đến tài khoản DO VAN HIEN nêu trên để phục vụ cho mục đích cá nhân của L.

- **Lần thứ 2:** Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, L đến gặp Hồ Ngọc P1 (Giao dịch viên quầy giao dịch Số D) nói dối với P1 là L đã có tiền trong tài khoản, đề nghị P1 hạch toán giao dịch nộp vào tài khoản của L số tiền 250.000.000 đồng và đưa cho P1 01 tờ giấy trắng; L ký và ghi họ tên (Hứa Hoàng L) trên 01 mặt giấy, mặt giấy còn lại L ghi nội dung số tài khoản của L là 20161047 và số tiền 250.000.000 đồng. Tuy không nhận được tiền mặt từ L nhưng P1 tin lời L nói nên đã tạo lập không Giấy nộp tiền Số 67, ngày 13/9/2023, nội dung: “NT”, chuyển số tiền 250.000.000 đồng đến tài khoản trên của L. Để thực hiện giao dịch chuyển tiền trên, P1 đã lập không nội dung Bảng kê thu tiền trên chứng từ, thực hiện ký tên vào mục “Giao dịch viên”, “Người thu tiền”, đóng dấu “Đã thu đủ” trên chứng từ và chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N (Kiểm soát viên) duyệt, hạch toán giao dịch.

Nghiêm Thị Quỳnh N không nhận được chứng từ bản giấy do Hồ Ngọc P1 tạo lập, không kiểm tra tính xác thực của giao dịch (khách hàng và tiền mặt thực tế), không đối chiếu xem có khớp đúng giữa các thông tin trên chứng từ và hệ thống, không kiểm tra sự hợp lệ và hợp pháp của giao dịch hạch toán theo quy định của Ngân hàng TMCP Á1 nhưng Như đã duyệt chứng từ bằng dấu vân tay trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) để chuyển số tiền 250.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Á1 đến tài khoản của L tại Ngân hàng TMCP Á1. Tiếp đó, P1 chuyển (CASHOUT) số tiền 250.000.000 đồng từ hộp tiền trên hệ thống (CASHBOX) Số 652111 của P1 đến hộp tiền trên hệ thống Số 12610 của La Bá P (Thủ quỹ), P1 không thực hiện việc ghi đối với giao dịch trên tại “Sổ quỹ Việt Nam Đồng ngày” do P quản lý.

La Bá P không nhận và thực hiện kiểm đếm tiền mặt từ P1 và L theo quy định của Ngân hàng TMCP Á1 nhưng P đã thực hiện hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) số tiền 250.000.000 đồng. Cụ thể: P đã nhận (CASHIN) số tiền 250.000.000 đồng từ hộp tiền trên hệ thống Số 652111 của P1 đến hộp tiền trên hệ thống Số 12610 của P và chuyển (CASHOUT) số tiền trên từ hộp tiền trên hệ thống của P đến hộp tiền trên hệ thống Số 648280 của L. Sau khi số tiền 250.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Á1 được chuyển vào tài khoản của L, L đã chuyển số tiền trên bằng Internet Banking đến tài khoản DO VAN HIEN nêu trên.

Sau khi tiền đã bị chiếm đoạt, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, đề hợp thức

hóa chứng từ P1 đem chứng từ bản giấy đến bàn làm việc của Nghiêm Thị Quỳnh N để Như ký tên vào mục “Kiểm soát viên” trên chứng từ.

- **Lần thứ 3:** Khoảng 13 giờ 54 phút cùng ngày, L đến gặp Huỳnh Công D (Giao dịch viên quầy giao dịch Số 3) nói dối là L đã rút số tiền 640.000.000 đồng về tài khoản của L tại Ngân hàng TMCP Á1, đề nghị D hạch toán giao dịch nộp vào tài khoản của L số tiền 640.000.000 đồng và đưa cho D 01 giấy trắng, L ký và ghi họ tên vào 01 mặt giấy, mặt còn lại L ghi nội dung số tài khoản của L là 20161047 và số tiền 640.000.000 đồng. Tuy không nhận được tiền từ L nhưng do tin lời L nên Huỳnh Công D đã lập không Giấy nộp tiền Số 67, ngày 13/9/2023, nội dung: “NTM”, chuyển số tiền 640.000.000 đồng đến tài khoản trên của L. Để thực hiện giao dịch chuyển tiền trên, D lập không “Bảng kê thu tiền” trên chứng từ, thực hiện ký tên vào mục “Giao dịch viên”, “Người thu tiền”, đóng dấu “Đã thu đủ” trên chứng từ và chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N (Kiểm soát viên) duyệt, hạch toán giao dịch.

Tương tự như ở Lần thứ hai, Nghiêm Thị Quỳnh N đã duyệt chứng từ bằng dấu vân tay trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) để chuyển số tiền 640.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Á1 đến tài khoản của L tại Ngân hàng TMCP Á1, cụ thể: D chuyển (CASHOUT) số tiền 640.000.000 đồng từ hộp tiền trên hệ thống Số 646680 của D đến hộp tiền trên hệ thống Số 12610 của La Bá P. Sau đó, D đến bộ phận quỹ do P quản lý để ghi “Sổ quỹ Việt Nam Đồng ngày” đối với giao dịch số tiền 640.000.000 đồng do D vừa thực hiện và ghi giúp P1 vào sổ quỹ giao dịch số tiền 250.000.000 đồng do P1 thực hiện tại lần thứ hai nêu trên.

Tương tự lần thứ hai, La Bá P đã thực hiện hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) số tiền 640.000.000 đồng, cụ thể: P đã nhận (CASHIN) số tiền 640.000.000 đồng từ hộp tiền trên hệ thống Số 646680 của D đến hộp tiền trên hệ thống Số 12610 của P và chuyển (CASHOUT) số tiền trên hộp tiền trên hệ thống của P đến hộp tiền trên hệ thống Số 648280 của L. Sau đó, L chuyển số tiền 638.445.000 đồng bằng Internet Banking từ tài khoản của L đến tài khoản DO VAN HIEN nêu trên.

Sau khi tiền đã bị chiếm đoạt, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, để hợp thức hóa chứng từ D đem chứng từ bản giấy đến bàn làm việc của Nghiêm Thị Quỳnh N để Như ký tên vào mục “Kiểm soát viên” trên chứng từ.

- **Lần thứ 4:** Vào khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tương tự Lần thứ 2, L nói dối Hồ Ngọc P1 đã có tiền trong tài khoản, P1 tin tưởng L nên lập không Giấy nộp tiền Số 79, ngày 13/9/2023, nội dung: “NTM”, chuyển số tiền 878.000.000 đồng đến tài khoản số 20161047, đứng tên HUA HOANG LAN, mở tại Ngân hàng TMCP Á1 và chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N duyệt, hạch toán giao dịch. Tiếp đó, P1 đến bộ phận Quỹ do La Bá P quản lý để ghi “Sổ quỹ Việt Nam Đồng ngày” đối với giao dịch trên. Sau khi Như duyệt, hạch toán chứng từ giao dịch nộp tiền trên, P1 đã chuyển (CASHOUT) số tiền 878.000.000 đồng đến hộp tiền trên hệ thống của P. Tiếp đó, P đã hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân

hàng TMCP Á1 (DNA) số tiền trên vào hộp tiền trên hệ thống của P và chuyển (CASHOUT) đến hộp tiền trên hệ thống của L. Sau đó, L chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản DO VAN HIEN nêu trên.

Sau khi tiền đã bị chiếm đoạt, khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, để hợp thức hóa chứng từ P1 đem chứng từ bản giấy đến bàn làm việc của Nghiêm Thị Quỳnh N để Như ký tên vào mục “Kiểm soát viên” trên chứng từ.

- **Lần thứ 5:** Khoảng 15 giờ 10 phút cùng ngày, tương tự như Lần thứ 3, L nói dối Huỳnh Công D đã có tiền trong tài khoản, D tin tưởng L nên lập không Giấy nộp tiền Số 87 ngày 13/9/2023, nội dung: “NTM”, chuyển số tiền 1.680.000.000 đồng đến tài khoản Số 20161047, đứng tên HUA HOANG LAN, mở tại Ngân hàng TMCP Á1. Để thực hiện giao dịch chuyển tiền trên, D chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N duyệt, hạch toán giao dịch. Tiếp đó, L tự đến bộ phận Q do La Bá P quản lý để ghi “Sổ quỹ Việt Nam Đồng ngày” đối với giao dịch trên. Sau khi Như duyệt, hạch toán chứng từ giao dịch nộp tiền trên, D đã chuyển (CASHOUT) số tiền 1.680.000.000 đồng đến hộp tiền trên hệ thống của P và P đã hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) số tiền trên vào hộp tiền trên hệ thống của P và chuyển (CASHOUT) đến hộp tiền trên hệ thống của L. Sau đó, L chuyển số tiền 899.999.997 đồng đến tài khoản DO VAN HIEN nêu trên và chuyển số tiền 780.000.003 đồng đến tài khoản số 25842677, đứng tên Hứa Hoàng L, mở tại Ngân hàng TMCP Á1. Do tài khoản hết hạn mức chuyển khoản ngoài hệ thống, nên L chuyển số tiền 786.520.003 đồng từ tài khoản Số 25842677, đứng tên Hứa Hoàng L, mở tại Ngân hàng TMCP Á1 chuyển đến tài khoản số 219231289, đứng tên Trần Ngọc Đ1, mở tại Ngân hàng TMCP Á1 và tới nói với Đ1 do hạn hạn mức đã hết nên mượn tài khoản của Đ1 để chuyển tiền vào rồi nhờ Đ1 chuyển đến tài khoản DO VAN HIEN đã nêu trên.

Thấy tiền trong tài khoản cá nhân của mình có từ tài khoản của L chuyển tới và tin L nên Đ1 đồng ý chuyển toàn bộ số tiền vừa nhận được từ L đến tài khoản của DO VAN HIEN trên.

- **Lần thứ 6:** Khoảng 15 giờ 43 phút cùng ngày, tương tự như Lần thứ 2, L gặp Hồ Ngọc P1 nói dối đã có tiền trong tài khoản và do hạn mức Internetbanking của L hết hạn chuyển tiền giao dịch online trong ngày nên L nhờ P1 chuyển vào tài khoản của Trần Ngọc Đ1 số tiền 1.686.520.000 đồng nhưng chỉ đưa cho P1 số tiền 520.000 đồng, tin tưởng lời của L nên P1 đã lập không Giấy nộp tiền Số 96, ngày 13/9/2023, nội dung: “NT”, chuyển số tiền 1.686.520.000 đồng đến tài khoản Số 219231289, đứng tên TRAN NGOC DAO, mở tại Ngân hàng TMCP Á1. Để thực hiện giao dịch chuyển tiền trên, P1 chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N duyệt, hạch toán giao dịch này. Sau khi Như duyệt, hạch toán chứng từ giao dịch nộp tiền trên, P1 đã chuyển (CASHOUT) số tiền 1.686.520.000 đồng đến hộp tiền trên hệ thống của P. Tiếp đó, L tự đến bộ phận Q do La Bá P quản lý để ghi “Sổ quỹ Việt Nam Đồng ngày” đối với giao dịch trên và P đã hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) số tiền trên vào hộp tiền trên hệ thống của P và chuyển (CASHOUT) đến hộp tiền trên hệ thống của Trần Ngọc Đ1.

Khoảng 15 giờ 39 phút cùng ngày, L nhắn tin cho Đ1 nhờ chuyển tiền. Khoảng 15 giờ 43 phút, tài khoản của Đ1 thông báo số dư tài khoản cộng thêm số tiền 1.685.520.000 đồng. Do đang bận việc nên Đ1 không để ý tài khoản chuyển tiền đến tài khoản của Đ1 có phải là của L gửi tới hay không (Đ1 không kiểm tra xem ai gửi tới), mà nghĩ do L chuyển tới do trước đó L đã chuyển số tiền 786.520.003 đồng đến tài khoản của Đ1 và nhờ Đ1 chuyển đến tài khoản khác nên khi L nhờ Đ1 tiếp tục chuyển số tiền 1.686.520.000 đồng đi thì Đ1 đồng ý và chuyển số tiền 486.520.004 đồng đến tài khoản DO VAN HIEN. Do tài khoản của Đ1 hết hạn mức chuyển tiền ngoài hệ thống, nên L nhờ Đ1 chuyển số tiền còn lại là 1.199.999.996 đồng đến tài khoản Số 3887047, đứng tên NGUYEN THI MY THIEN, mở tại Ngân hàng TMCP Á1 của Nguyễn Thị Mỹ T3 (Nhân viên tín dụng của phòng G). L gọi điện thoại cho T3 báo do Đ1 hết hạn mức chuyển tiền nên sẽ chuyển khoản cho T3 và nhờ T3 khi nhận được tiền vào tài khoản thì chuyển toàn bộ số tiền 1.199.999.996 đồng (theo 04 lệnh chuyển tiền) đến tài khoản Số 105879526752 đứng tên NGUYEN THI QUYNH NHU mở tại Ngân hàng V2, T3 đồng ý và đã thực hiện theo yêu cầu của L, T3 không biết tiền Đ1 chuyển đến là tiền do L chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP Á1.

Tại thời điểm Hồ Ngọc P1 chuyển chứng từ qua hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lỗi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) cho Nghiêm Thị Quỳnh N duyệt, hạch toán giao dịch thì Trần Ngọc Đ1 chưa ký tên tại mục “Người nộp tiền” trên chứng từ. Khoảng 16 giờ 30 phút, để hợp thức hóa chứng từ P1 đã đem chứng từ bản giấy đến bàn làm việc của Như để Như ký tên vào mục “Kiểm soát viên” và Đ1 ký tên vào mục “Người nộp tiền” trên chứng từ.

Quy định của Ngân hàng TMCP Á1 về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên như sau:

Ngân hàng TMCP Á1 ban hành Quyết định Số 156/NVQĐ-QLNQ.23, ngày 31/7/2023 quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và Bảng mô tả công việc của các chức danh, gồm: Giao dịch viên, Kiểm soát viên, Thủ quỹ.

Đối với giao dịch viên: Hứa Hoàng L, Hồ Ngọc P1 và Huỳnh Công D với vai trò là Giao dịch viên (Teller) - Phòng G có nhiệm vụ thực hiện các giao dịch tại quầy theo yêu cầu khách hàng theo nguyên tắc chi đúng, thu đủ, hạch toán chính xác, nhanh chóng, đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và tuân thủ quy định của Ngân hàng TMCP Á1, cụ thể: Thực hiện các giao dịch với khách hàng: Kiểm đếm, xác định thật/giả tiền mặt (đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng), đảm bảo sự đầy đủ và chính xác; Thực hiện đúng quy định lập chứng từ thu, chi và quy trình thu chi tiền mặt (quy định kiểm đếm, lập bảng kê, soi tiền...); Thu/chi theo đúng hạn mức quy định; Kiểm soát trước và hạch toán các giao dịch trên hệ thống theo đúng các quy trình/quy định nghiệp vụ có liên quan; Tuân thủ quy định về bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập vào hệ thống tác nghiệp; Nhập tiếp quỹ, kiểm quỹ, kết quỹ tiền mặt theo quy định kiểm quỹ, tồn quỹ; Mở tài khoản tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng đã có thông tin cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á1...

Đối với Thủ quỹ: La Bá P (Thủ quỹ) có trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối

các loại tài sản bảo quản trong kho tiền; thực hiện thu chi tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo đúng chứng từ kế toán, hợp lệ, hợp pháp; quản lý, ghi chép sổ quỹ và các sổ sách cần thiết khác đầy đủ, rõ ràng, chính xác, đúng quy định của Ngân hàng N4, quy định của Ngân hàng TMCP Á1, cụ thể:

Thực hiện nghiệp vụ ngân quỹ: Quản lý và giữ chìa khóa/mã số một ổ khóa của lớp cánh trong cửa kho tiền bảo quản tài sản được giao, các ổ khóa cửa gian kho và các phương tiện bảo quản tài sản trong kho tiền (két, tủ sắt...) (thực hiện khi đơn vị không có Trưởng bộ phận Vận hành ngân quỹ); Ra vào kho tiền để xuất – nhập tài sản (thực hiện khi đơn vị không có Trưởng bộ phận Vận hành ngân quỹ); Tổ chức sắp xếp tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong kho tiền gọn gàng khoa học, đảm bảo vệ sinh kho tiền; Trực tiếp mở, khóa cửa để giám sát việc xuất, nhập, bảo quản tài sản trong kho tiền; Thực hiện xuất nhập tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá chính xác, kịp thời, đầy đủ theo đúng lệnh của cấp có thẩm quyền, đúng chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp; Mở sổ quỹ, sổ theo dõi từng loại tiền, từng loại tài sản; các sổ sách cần thiết khác; ghi chép và bảo quản các loại sổ sách; Tham gia kiểm kê tài sản cuối ngày, định kỳ hoặc đột xuất; Ký xác nhận tồn quỹ thực tế trên sổ quỹ, sổ theo dõi từng loại tài sản, biên bản kiểm quỹ, thẻ kho. Kiểm đếm, chọn lọc, đóng gói, thu chi tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; xác định tiền giả/tiền nghi giả, tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; nhận biết các dấu hiệu giả/nhái đối với ngoại tệ trong giao dịch: Tiếp quỹ cho nhân viên giao dịch tại quầy; Thu chi hộ với khách hàng tại quầy; điểm thu chi nội bộ; Điều quỹ trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á1, nộp/rút với Ngân hàng N4 và các tổ chức tín dụng khác (nếu có); Giao nhận nội bộ (với nhân viên giao dịch, thủ quỹ, kiểm ngân) nhập quỹ, bảo quản trong kho tiền; Giao, nhận ngoại tệ mặt, vàng tại các cửa khẩu và đảm bảo an toàn trong quá trình giao nhận, vận chuyển (nếu có); Báo cáo và khắc phục số dư vượt tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị trên chương trình giám sát tồn quỹ...

Đối với chuyên viên dịch vụ khách hàng: Trần Ngọc Đ1 (Chuyên viên dịch vụ khách hàng) có nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu kinh doanh và đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng TMCP Á1 thông qua việc phát triển, chăm sóc và duy trì khách hàng. Đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng thông qua việc hoàn thành vai trò trong các quy trình vận hành có yêu cầu chức danh Chuyên viên dịch vụ khách hàng tham gia để cung cấp các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng TMCP Á1 cho khách hàng cá nhân/doanh nghiệp.

Đối với kiểm soát viên giao dịch: Nghiêm Thị Quỳnh N (Kiểm soát viên giao dịch) có nhiệm vụ thực hiện kiểm soát các nghiệp vụ phát sinh tại Phòng/Bộ phận vận hành giao dịch ngân quỹ theo đúng quy trình, quy định nghiệp vụ và tuân thủ các nguyên tắc kiểm soát theo thủ tục kiểm soát của Ngân hàng TMCP Á1 để đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và của Ngân hàng TMCP Á1, cụ thể:

- Kiểm soát giao dịch: Kiểm soát giao dịch do Giao dịch viên (T), Nhân viên dịch vụ khách hàng (CSR), Thủ quỹ thực hiện theo đúng thủ tục nghiệp vụ kiểm soát/các quy trình/quy định nghiệp vụ có liên quan và đảm bảo tính độc lập trong quá trình kiểm soát.

- Đồng hành, hỗ trợ Giao dịch viên thực hiện công việc: Cập nhật, phổ biến

hướng dẫn Giao dịch viên về quy trình, quy định nghiệp vụ trong phạm vi phụ trách; Kèm cấp tại chỗ nghiệp vụ vận hành giao dịch cho Giao dịch V; Quan sát và phối hợp cùng Giao dịch viên xử lý các tình huống phát sinh tại quầy giao dịch; Hỗ trợ, đôn đốc Giao dịch viên đạt các chỉ số về chỉ tiêu kinh doanh...

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 18/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B đã ra Quyết định trưng cầu giám định Số 837 trưng cầu Phòng K Công an Thành phố H giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên “Hứa Hoàng L”, “Huỳnh Công D”, “Hồ Ngọc P1”, “Trần Ngọc Đ1”, “Nghiêm Thị Quỳnh N”; hình dấu tròn của Ngân hàng – Chi nhánh P2, hình dấu nội dung “Đã thu đủ” trên 06 Giấy nộp tiền, ngày 13/9/2023.

Ngày 22/9/2023, Phòng K đã ban hành Kết luận giám định số 10313/KL-KTHS kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên “Huỳnh Công D”, “Hồ Ngọc P1”, “Trần Ngọc Đ1”, “Nghiêm Thị Quỳnh N”; hình dấu tròn của Ngân hàng – Chi nhánh P2, hình dấu nội dung “Đã thu đủ” trên 06 Giấy nộp tiền, ngày 13/9/2023 do cùng một người ký ra, viết ra, hình dấu do cùng một con dấu đóng ra; chữ ký mang tên “Hứa Hoàng L” do cùng một người ký ra; không đủ cơ sở kết luận chữ viết “Hứa Hoàng L” trên 06 Giấy nộp tiền, do không có mẫu so sánh tương ứng”.

Ngày 22/12/2023, Cơ quan điều tra tiếp tục ban hành Quyết định trưng cầu giám định bổ sung Số 20231051/QĐ-CSKT-Đ5, trưng cầu Phòng K Công an Thành phố H giám định bổ sung chữ viết Hứa Hoàng L trên 05 Giấy nộp tiền.

Ngày 03/01/2024, Phòng K ban hành Kết luận giám định số 292/KL-KTHS kết luận: “Chữ viết mang tên Hứa Hoàng L trên mẫu cần giám định và trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra”.

Ngày 04/3/2024, Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định số 2644/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng K Công an Thành phố H phục hồi và trích xuất dữ liệu điện tử trên các máy điện thoại di động của Hứa Hoàng L, Huỳnh Công D, Hồ Ngọc P1, La Bá P, Trần Ngọc Đ1, Nghiêm Thị Quỳnh N, Nghiêm Thị Mỹ T4. Ngày 31/5/2023, Phòng K Công an T đã ban hành kết luận giám định số 3213/KL-KTHS và phục hồi, trích xuất dữ liệu điện tử từ 07 điện thoại di động cần giám định để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Trưng cầu giám định Ngân hàng N4: Ngày 12/3/2024, Cơ quan điều tra ban hành Quyết định trưng cầu giám định Số 3132/QĐ-CSKT-Đ5, trưng cầu Ngân hàng N4 giám định về trình tự, thủ tục, việc chấp hành các quy định của Ngân hàng TMCP Á1 khi thực hiện giao dịch thu – chi tiền mặt tại quầy giao dịch đối với 06 giao dịch nộp tiền (Giấy nộp tiền Số 67, 79, 96, 67 và 87), với tổng số tiền 5.219.520.000 đồng.

Ngày 04/7/2024, Giám định viên tư pháp thuộc Ngân hàng N4 Chi nhánh Thành phố H ban hành Kết luận giám định như sau:

“a. Quá trình tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch:

- Về nội dung của 06 Giấy nộp tiền nêu trên không có địa chỉ, số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu của người thụ hưởng số tiền trên chứng từ; nội dung nộp tiền

không rõ ràng, đủ nghĩa, chưa đảm bảo theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 5; khoản 5 Điều 7 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành.

b. Quá trình tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch:

- Quá trình tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 63, ngày 13/9/2023 số tiền 85.000.000 đồng thực hiện theo Quyết định số 156/NVQĐ-QLNQ.23 ngày 31/7/2023 về việc Quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tại Ngân hàng TMCP Á1;

- Quá trình tiếp nhận, lập chứng từ giao dịch đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 67, số G, số 96 do Hồ Ngọc P1 – Giao dịch viên thực hiện và Giấy nộp tiền số 67, số 87 do Huỳnh Công D – Giao dịch viên thực hiện đã vi phạm: Vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 9 Mục 2 Chương 2 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 Quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; Vi phạm khoản 2, khoản 8 Điều 7 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành. Cá nhân thực hiện nghiệp vụ có vi phạm nêu trên, có trách nhiệm gồm: “Giao dịch viên” Hồ Ngọc P1 và “Người nộp tiền” Hứa Hoàng L ký trên chứng từ Giấy nộp tiền số 67.

c. Quá trình duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán:

- Quá trình duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 63, ngày 13/9/2023 số tiền 85.000.000 đồng thực hiện theo Quyết định số 156/NVQĐ-QLNQ.23 ngày 31/7/2023 về việc Quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tại Ngân hàng TMCP Á1;

- Quá trình duyệt chứng từ giao dịch, hạch toán đối với giao dịch theo Giấy nộp tiền số 67, số G, số 96 do Hồ Ngọc P1 – Giao dịch viên thực hiện và Giấy nộp tiền số 67, số 87 do Huỳnh Công D – Giao dịch viên thực hiện, đã vi phạm theo quy định tại khoản 2, khoản 8 Điều 7 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành; Vi phạm khoản 4 Điều 6 Chương 2 Quyết định số 32/2006/QĐ-NHNN ngày 19/07/2006 của Ngân hàng N4 Ban hành quy định về kế toán trên máy vi tính đối với Ngân hàng N4, các Tổ chức tín dụng; Vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 9 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành. Cá nhân thực hiện nghiệp vụ có vi phạm nêu trên, có trách nhiệm là Nghiêm Thị Quỳnh N - Kiểm soát viên đã ký xác nhận vào 05 Giấy nộp tiền nêu trên;

d. Đối với Thủ quỹ La Bá P: Đã vi phạm khoản 1 Điều 20 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 Quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

e. Quá trình luân chuyển chứng từ kế toán:

Đã vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế

toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành. Cá nhân thực hiện nghiệp vụ có vi phạm nêu trên, có trách nhiệm gồm: “Người nộp tiền” Hứa Hoàng L, Hồ Ngọc P1, Huỳnh Công D – Giao dịch viên, Nghiêm Thị Quỳnh N - Kiểm soát viên đã ký xác nhận vào 05 Giấy nộp tiền nêu trên, Thủ quỹ La Bá P và Trần Ngọc Đ1 – Người nộp tiền.

f. Trần Ngọc Đ1 ký trên chứng từ Giấy nộp tiền số GD 96 ngày 13/9/2023 Tại mục “Người nộp tiền”:

Đã vi phạm khoản 8 Điều 7 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành; vi phạm điểm b khoản 1 Điều 8 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành. Cá nhân thực hiện nghiệp vụ có vi phạm nêu trên, có trách nhiệm gồm: “Người nộp tiền” Trần Ngọc Đ1 ký trên chứng từ Giấy nộp tiền số GD 96”.

Ngày 21/08/2024, Cơ quan điều tra ban hành Quyết định trưng cầu giám định bổ sung Số 13275, trưng cầu Ngân hàng N4 giám định bổ sung về trách nhiệm, sai phạm cụ thể của Trần Ngọc Đ1 với vai trò “Người nộp tiền” khi thực hiện ký tên trên chứng từ nộp tiền Số 96, ngày 13/9/2023, số tiền 1.686.520.000 đồng và hành vi của Đ1 cho Hứa Hoàng L mượn tài khoản để một số nhân viên Ngân hàng TMCP Á1 hạch toán không giao dịch nộp tiền, chuyển số tiền 1.686.520.000 đồng từ Hộp quỹ điện tử của Phòng G đến tài khoản của Đ1 tại Ngân hàng TMCP Á1; sau đó, theo đề nghị của L, Đ1 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng khách và bị chiếm đoạt.

Ngày 31/10/2024, Giám định viên tư pháp thuộc Ngân hàng N4 Chi nhánh Thành phố H kết luận:

“Trần Ngọc Đ1 ký trên chứng từ Giấy nộp tiền số GD 96 ngày 13/9/2023 Tại mục “Người nộp tiền” đã vi phạm khoản 8 Điều 7 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành; vi phạm điểm b khoản 1 Điều 8 Chương II Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 Về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành và vi phạm khoản 1 Điều 13 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015. Đối với hành vi Trần Ngọc Đ1 cho Hứa Hoàng L mượn tài khoản đã vi phạm điểm g, điểm h, điểm i khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/08/2014; vi phạm khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28/02/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/08/2014 Hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.”

Cơ quan điều tra đã ban hành văn bản Số 42010/YC-CSKT-Đ5, ngày 03/12/2024 yêu cầu Ngân hàng TMCP Á1 cung cấp thông tin, tài liệu làm rõ quy trình, vai trò, trách nhiệm của Kiểm soát viên giao dịch.

Ngày 04/12/2024, Ngân hàng TMCP Á1 gửi văn bản Số 6595/CV-PC.24 xác định: “Tại thời điểm tháng 09/2023, Kiểm soát viên giao dịch thuộc Ngân hàng TMCP Á1 khi thực hiện kiểm soát giao dịch phải thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại Thủ tục kiểm soát nghiệp vụ vận hành giao dịch (QP – 7.32) ngày 17/11/2022 (đã viện dẫn nêu trên). Ngoài ra, Nghiêm Thị Quỳnh N với vai trò là Kiểm soát viên

giao dịch phải tuân thủ thủ tục kiểm soát nghiệp vụ vận hành giao dịch (QP – 7.32) ngày 17/11/2022 và các giao dịch vượt hạn mức giao dịch, nhân sự kiểm soát phải thực hiện bước kiểm soát trong và kiểm soát sau. Đối với 05 chứng từ nộp tiền, với tổng số tiền là 5.134.520.000 đồng có giá trị các giao dịch vượt hạn mức giao dịch mà Giao dịch viên được quyền quyết định thực hiện và hoàn tất giao dịch tại Phòng G nên thuộc trường hợp phải chuyển thủ quỹ/kiểm ngân thực hiện thu hộ và chuyển Nhân viên kiểm soát (Nguyễn Thị Quỳnh N) thực hiện việc kiểm soát trong và kiểm soát sau đúng theo quy định của Ngân hàng TMCP Á1.

Tuy nhiên, với vai trò là Kiểm soát viên giao dịch Phòng G, Như đã không tuân thủ các quy định QP – 7.32, gây thiệt hại cho Ngân hàng TMCP Á1. Nguyễn Thị Quỳnh N đã không kiểm soát trực tiếp tại quầy nên không kiểm tra được tính xác thực của giao dịch và không phát hiện được các Giao dịch viên (Hồ Ngọc P1, Huỳnh Công D) đã cho Hứa Hoàng L nộp khống tiền vào tài khoản; không kiểm tra sự hợp lệ của chứng từ giao dịch nên đã phê duyệt 05 chứng từ giao dịch nêu trên. Theo quy định thì người thu tiền phải do thủ quỹ/kiểm ngân ký xác nhận nhưng thực tế các giao dịch này lại do Giao dịch V ký nhưng Nguyễn Thị Quỳnh N không kiểm soát nội dung này, không xác thực thông tin tại thời điểm nộp tiền với thủ quỹ/kiểm ngân nên không phát hiện Giao dịch V đã cho Hứa Hoàng L nộp khống tiền vào tài khoản. Do đó, Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu trách nhiệm đối với 5 chứng từ giao dịch nêu trên do không kiểm soát đúng, đủ, chính xác”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 317/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 206; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **La Bá P** 13 (mười ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Quỳnh N** 13 (mười ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử bị cáo Hứa Hoàng L 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 20 (hai mươi) năm tù; bị cáo Hồ Ngọc P1 07 năm tù và Huỳnh Công D 07 năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”; về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2025 bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/7/2025 bị cáo La Bá P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và bị cáo La Bá P vẫn giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kháng cáo của bị cáo hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo L. Số tiền bị cáo N nộp 20.000.000 đồng không đáng kể, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo N.

Mẹ, cha bị cáo La Bá P có thành tích trong công tác, tặng kỷ niệm chương, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận giảm hình phạt cho bị cáo P.

Người bào chữa cho bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N, luật sư Phan Trung H trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, kết luận của Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, xem xét tình tiết bị cáo P cung cấp. Bị cáo N cung cấp thêm nhiều tình tiết mới, mong Hội đồng xét xử xem xét. Vụ án xảy ra tại Ngân hàng G, qua thẩm tra thì bị cáo N, P, nhân viên Ngân hàng bị bị cáo L lợi dụng sự tin tưởng thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tham ô làm Ngân hàng bị thiệt hại. Các bị cáo không cố ý, biết rõ được sai phạm của bị cáo L. Các bị cáo bị xử vào quy định của Ngân hàng, khung hình phạt rất nghiêm khắc. Án sơ thẩm nhận định: “Tại phiên tòa, các bị cáo đều xác nhận có thời gian dài làm việc tại Ngân hàng G, hàng năm đều được tham gia tập huấn nghiệp vụ, nắm rõ quy trình rút, nộp tiền mặt nhưng vì tin tưởng đồng nghiệp nên đã làm sai quy trình, vi phạm quy định của Ngân hàng N4 như Kết luận giám định của Ngân hàng N4 đã xác định. Do đó, mặc dù vô ý về hậu quả nhưng hành vi vi phạm của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý”. Trên cơ sở đó, Bản án sơ thẩm đã kết luận Nghiêm Thị Quỳnh N đã có hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng theo Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm đã chưa làm rõ đầy đủ bản chất của các giao dịch, dẫn đến việc xác định chưa toàn diện giới hạn phạm vi trách nhiệm của bị cáo N, nên tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư xin được phân tích rõ hơn các vấn đề cụ thể như sau:

Về quy trình nghiệp vụ thực tế tại Ngân hàng G: Bản án sơ thẩm thể hiện quy trình nghiệp vụ tại Ngân hàng G như sau: Ngân hàng TMCP Á1 (G) ban hành Quyết định số 156/NVQĐ-QLNQ.23, ngày 31/7/2023 quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và Bảng mô tả công việc của các chức danh, gồm: Giao dịch viên (“GDV”), Kiểm soát viên, Thủ quỹ. Ngoài ra, Quyết định số 1789/2005/QĐ- NHNN ngày 12/12/2005 có quy định về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành, trong đó quy định tại Điều 5 về nội dung của chứng từ kế toán ngân hàng; Điều 7, 8, 10 về việc Lập, kiểm soát và luân chuyển chứng từ kế toán ngân hàng. Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định 156/NVQĐ-QLNQ23 ngày 31/7/2023 của Ngân hàng G về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt thì “Hạn mức thu tiền tại quầy của giao dịch viên là dưới

200.000.000 đồng; hạn mức thu tại bộ phận quỹ của Thủ quỹ/kiểm ngân đến từa là từ 200.000.000 đồng trở lên”. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, có thể thấy tại Ngân hàng G đang tồn tại một quy trình theo thông lệ là quy trình bù trừ rút nộp giữa 02 Giao dịch viên ở 02 quầy khác nhau, cụ thể như sau: Đối với khách hàng muốn rút tiền từ tài khoản cá nhân hay doanh nghiệp, từ tài khoản tiết kiệm ... không muốn lấy tiền mặt mà muốn nộp lại số tiền vừa rút hoặc đưa cho người khác nộp lại tài khoản khác ở một quầy giao dịch khác bằng tiền mặt thì giao dịch viên hoạch toán rút tiền đến thủ quỹ yêu cầu rút tiền và thực hiện giao dịch bù trừ rút - nộp bằng việc nếu thủ quỹ đồng ý cho rút tiền thì sẽ không lấy phần tiền mặt (không thực chi) yêu cầu rút đó mà yêu cầu nộp lại đúng số tiền mặt vừa rút luôn (không thực thu) và ghi vào sổ nhân viên nào rút, nhân viên nào sẽ nộp tiền để thực hiện giao dịch bù trừ rút - nộp và đến quầy nhân viên đó yêu cầu nộp tiền bù trừ rút - nộp. Bản chất của giao dịch bù trừ là không thực chi thực thu tiền mặt mà chỉ thông qua thủ quỹ và kiểm soát viên để đối ứng dòng tiền giữa hai (02) giao dịch viên vì số tiền mặt được rút ra và được yêu cầu nộp lại ngay thủ quỹ bởi nhân viên rút. Lúc này giao dịch viên nộp tiền chỉ tiếp nhận thông tin và nhận thông tin lên hệ thống và sẽ qua bước đối chiếu kiểm tra từ kiểm soát viên và người xác nhận là thủ quỹ, bỏ qua bước kiểm đếm tiền tại kiểm ngân. Đến hết giờ giao dịch khi kết quỹ, các chứng từ sẽ được tổng hợp và ký bổ sung để kết toán hồ sơ trong ngày. Quy trình này được thể hiện tại các Biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2024, 23/05/2024 (BL 1580, 1584) của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N; Biên bản ghi lời khai ngày 27/12/2024 (BL 1404) và Đơn xin xem xét ngày 03/06/2024 (BL 1835) của Huỳnh Công D; Biên bản ghi lời khai ngày 08/01/2024 (BL 1421) của La Bá P; Biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2024 (BL 1448) và Đơn xin xem xét ngày 03/06/2024 (BL 1544) của Hồ Ngọc P1 cũng như diễn biến thực tế tại chứng cứ Video Camera ghi nhận sự việc ngày 13/09/2023 tại Phòng G, Ngân hàng G (BL 966-992). Quy trình này đã được vận hành từ lâu tại Ngân hàng G với mục đích để đảm bảo giao dịch nhanh chóng cho khách hàng, để khách hàng không phải chờ đợi lâu, đáp ứng tiến độ và hiệu quả trong giao dịch thực tế tại Ngân hàng. Tuy nhiên, thực tế đáng tiếc xảy ra khi quy trình này lại tạo kẽ hở để Hứa Hoàng L lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp để có một loạt các hành vi phục vụ cho mục đích cá nhân, gây thiệt hại nghiêm trọng đến Ngân hàng G. Ông nhận thức việc xác định được bối cảnh và bản chất của các giao dịch nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nguyên nhân thất thoát tiền của Ngân hàng G, từ đó có cái nhìn toàn diện hơn trong việc xác định mức độ giới hạn hành vi của các bị cáo. Quy trình giao dịch bù trừ này là một ví dụ điển hình về việc quy trình của Ngân hàng chưa được chuẩn hóa, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế trong giao dịch Ngân hàng nên các nhân viên Ngân hàng được hướng dẫn các quy trình mang tính thông lệ, không bảo đảm an toàn và kiểm soát rủi ro về mặt pháp lý cho các nhân viên Ngân hàng. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến vụ án xảy ra với thiệt hại bị coi là rất lớn không chỉ về tiền cho Ngân hàng G mà còn tổn thất về mặt nhân lực khi các bị cáo hôm nay đối diện với mức hình phạt nghiêm khắc của pháp luật.

Xin xem xét bản chất hành vi và lỗi của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N có dấu hiệu vi phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”: Theo Quy trình QP 7.32 - thủ tục kiểm soát nghiệp vụ vận hành giao dịch (BL 00860) không

yêu cầu Kiểm soát viên xác thực thông tin tại thời điểm nộp tiền với thủ quỹ kiểm ngân, không quy định Kiểm soát viên phải ký trên chứng từ. Quyết định 156/NVQĐ-QLNQ.23 quy định giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (BL00620-00621) cũng không yêu cầu kiểm soát viên phải ký trên chứng từ và chứng từ (nếu có), bảng kê thu (kê ngay trên chứng từ - giấy nộp tiền) (BL00586). Điều này chỉ ra rằng, theo quy trình nội bộ của G, Kiểm soát viên Nghiêm Thị Quỳnh N không có nghĩa vụ phải trực tiếp kiểm tra sự khớp đúng giữa số tiền mặt thực tế tại bộ phận quỹ (thủ quỹ/kiểm ngân) với số liệu hạch toán trên hệ thống tại thời điểm kiểm soát. Kiểm soát viên chủ yếu kiểm soát trên chứng từ (nếu có) và trên hệ thống, dựa trên sự tin tưởng và quy trình các bước được thực hiện bởi TQ/KN và GDV trước đó. Mặc dù Quy trình QP 7.32- kiểm soát trong (BL 00862 - 00863) có đề cập đến việc “Kiểm soát trực tiếp tại quầy giao dịch trong các trường hợp cần thiết nhằm xác thực có khách hàng giao dịch và có giao dịch thực tế”, nhưng đây là quy định mang tính “cần thiết” hoặc “tùy theo tình hình đơn vị”, không phải là bắt buộc đối với mọi giao dịch hay là trách nhiệm chính của Kiểm soát viên trong việc kiểm đếm tiền mặt trực tiếp. Kiểm soát viên Nghiêm Thị Quỳnh N thực tế không có trách nhiệm kiểm soát nộp tiền mặt tại bộ phận Quỹ đối với giao dịch vượt hạn mức tại Quầy của giao dịch viên. Trên thực tế kiểm soát viên cũng không thể kiểm tra kiểm soát được tiền mặt, bởi sau khi kiểm ngân kiểm đếm tiền xong giao cho thủ quỹ, thủ quỹ bỏ vào két sắt mà chỉ có thể kiểm tra chứng từ (nếu có), không thể kiểm tra được tiền mặt. Theo dữ liệu C1 thu thập được tại Phòng G (BL 966-992), vị trí làm việc của bị cáo N có bức tường chắn ở phía trước, không quan sát được diễn biến thực tế và giao dịch tại quầy của giao dịch viên, đồng thời Hứa Hoàng L không phải là giao dịch viên mà bị cáo N kiểm soát trực tiếp (Kiểm soát viên kiểm soát trực tiếp cho L là bà Trần Thị Thu H2 (BL 421-422)) nên bị cáo N không có điều kiện và không thể phát hiện được việc Cashbox của L có bị âm quỹ hay không. Như vậy, đối chiếu Quy trình QP 7.32, việc Bản án sơ thẩm đã quy buộc bị cáo N vi phạm các quy định tại Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 cần được cân nhắc và xem xét lại, bởi lẽ bản thân Quy trình QP 7.32 của Ngân hàng G trên một phương diện nhất định cũng chưa phù hợp với Quyết định số 1789 của Ngân hàng N4. Trên cơ sở xem xét các vấn đề pháp lý phát sinh từ quá trình điều tra, đảm bảo việc tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc và quy trình của Ngân hàng N4 và G, liên quan đến vụ án này. Khi làm việc với bị cáo N trong Trại tạm giam, ông nhận thấy bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N đã tự nhận thấy một cách sâu sắc là bản thân đã thiếu trách nhiệm, chủ quan trong việc rà soát, kiểm tra lại quy trình đã được thực hiện bởi các bộ phận tiền nhiệm (Thủ quỹ/Kiểm ngân, giao dịch viên).

Mặc dù các quy định nội bộ không yêu cầu Kiểm soát viên phải trực tiếp xác thực tiền mặt với thủ quỹ, nhưng nếu bị cáo N với tư cách là một Kiểm soát viên có trách nhiệm cao, có sự cẩn trọng cần thiết, có thể kịp thời phát hiện những điểm bất thường từ các chứng từ được chuyển lên liên tục. Từ đó có những động thái tích cực ngăn chặn việc thất thoát. Chính do sự sơ suất, thiếu cẩn trọng này của bị cáo N cũng như việc áp dụng thông lệ là giao dịch bù trừ tại Ngân hàng G đã trở thành một phần nguyên nhân để Hứa Hoàng L bị coi là đã thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng, đồng thời với sự tin tưởng của các đồng nghiệp, nhân viên tại Ngân

hàng G. Do bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N không có bất kỳ động cơ tư lợi nào, không có sự cấu kết, bàn bạc với Hứa Hoàng L, không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt nên theo ông, mặt chủ quan của bị cáo N là lỗi vô ý, là đã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao do sự thiếu trách nhiệm, chứ không phải là hành vi cố ý vi phạm hoạt động của Ngân hàng. Về mặt pháp lý, tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động Ngân hàng” (Điều 206 BLHS) thường áp dụng cho những hành vi vi phạm quy định nghiệp vụ ngân hàng mà người thực hiện có hành vi khách quan, biết rõ và phải nhận thức được hành vi của mình có thể gây thiệt hại hoặc biết rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại, hoặc có sự cấu kết để trục lợi. Bản chất của tội danh này đòi hỏi yếu tố lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý nhưng mức độ nguy hiểm cao và liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng để trục lợi. Xét trên phương diện pháp lý và kết quả điều tra hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N có dấu hiệu phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” theo Điều 179 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo Khoản 1 Điều 179 quy định: “Người nào có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp”, trong đó Khoản 3 Điều 179 quy định mức phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu gây thiệt hại 2.000.000.000 đồng trở lên. Như đã phân tích ở trên, hành vi của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N xét trên tất cả thực tiễn và hồ sơ vụ án cho thấy hoàn toàn phù hợp với cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” nêu trên. Bản thân bị cáo N có chức vụ, quyền hạn trong quản lý tài sản của doanh nghiệp (Ngân hàng G) và đã “vì thiếu trách nhiệm” mà “không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao” (cụ thể là chưa kiểm soát một cách cẩn trọng và đầy đủ nhất theo trách nhiệm của một Kiểm soát viên, mặc dù quy định nội bộ cũng có những kẽ hở khách quan đối với Kiểm soát viên), và chính sự thiếu trách nhiệm này đã “gây thiệt hại về tài sản” cho ngân hàng. Từ những phân tích nêu trên, ông đề nghị việc chuyển tội danh theo Điều 206 sang Điều 179 Bộ luật hình sự nêu được sẽ phản ánh đúng hơn bản chất hành vi và mức độ lỗi của bị cáo, là lỗi vô ý, chủ quan, không cố ý trục lợi, mà là thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Điều này thể hiện sự xem xét cho bị cáo một cách công bằng, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng theo nguyên tắc của pháp luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ bổ sung được coi là tình tiết mới đề nghị xem xét cho bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Với sự cân nhắc khi đưa ra đề nghị về việc chuyển tội danh nêu trên, cùng với sự nhìn nhận trách nhiệm thành khẩn, ăn năn hối lỗi của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N, khi xem xét đường lối xử lý về tội danh và mức hình phạt, ông đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo Như thêm một số tình tiết giảm nhẹ được coi như là các tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Bản án sơ thẩm đã ghi nhận bị cáo N đã nhìn nhận trách nhiệm của mình, khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm (s), Khoản 1, Điều 51 BLHS là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải”. Trước khi mở phiên xử phúc thẩm, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn khi bị cáo N là người tạo thu nhập chính cho gia đình, bố

mẹ đã già yếu và hai con còn nhỏ, nhưng gia đình bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N đã vay mượn và nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản của Thi hành án dân sự Thành phố H vào ngày 23/09/2025 để thể hiện thiện chí và khắc phục một phần hậu quả vụ án. Ông đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm (b) Khoản 1, Điều 51 BLHS là: “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”. Trong quá trình công tác hơn 20 năm qua tại Ngân hàng TMCP Á1 - Phòng G, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N đã có nhiều thành tích trong hoạt động, được ghi nhận và khen thưởng. Cụ thể, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N được Ngân hàng G tặng Giấy khen nhân viên xuất sắc vào năm 2005; Giấy khen Kiểm soát viên đạt thành tích xuất sắc năm 2016, 2017; Giấy khen Kiểm soát viên đạt thành tích vượt xa kỳ vọng năm 2019, 2020, 2021, 2022. Căn cứ theo điểm (v) Khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chưa ghi nhận tình tiết này khi lượng hình, do đó ông đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo N so với Bản án cấp sơ thẩm. Ngoài ra, gia đình bị cáo N đang trong hoàn cảnh khó khăn khi bố mẹ bị cáo N đã lớn tuổi, thường xuyên phải nhập viện với các bệnh tiểu đường, huyết áp cao, di chứng nhồi máu não, đặc biệt cha của bị cáo N đã bị đột quỵ, liệt một bên tay phải và hai mắt bị bong võng mạc. Hai con của bị cáo N hiện còn nhỏ trong khi bị cáo N là nguồn thu nhập chính của gia đình trước khi vụ án xảy ra. Mặc dù thiếu đi chăm sóc của người mẹ, hai con của bị cáo N vẫn đạt được thành tích xuất sắc trong học tập, được nhận giấy khen nhưng về lâu dài, hai con vẫn cần sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ cho đến khi trưởng thành. Do đó, bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ bổ sung nói trên theo Khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ những phân tích nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N đã có ít nhất 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s, v Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 BLHS nên căn cứ vào Điều 54 BLHS, kính đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm xem xét quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn hoặc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ hơn đáng kể so với mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên hoặc so với mức hình phạt nếu được cấp phúc thẩm chuyển tội danh. Mức hình phạt 13 năm tù của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N là quá nghiêm khắc so với bối cảnh và mức độ hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm xem xét một số kiến nghị như sau: Một là, xin đề nghị cân nhắc, xem xét lại tội danh cho bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N, chuyển từ tội danh “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng” sang tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” theo điều 179 Bộ luật hình sự. Hai là, do bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N đã thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ bổ sung tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, xem xét các tình tiết giảm nhẹ bổ sung nêu trên của bị cáo, từ đó xem xét đường lối xử lý khoan hồng, nhân đạo để có thể tuyên mức án nhẹ hơn so với Bản án sơ thẩm nhằm giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình và đóng góp cho xã hội.

Luật sư Hoàng thống nhất ý kiến của Luật sư H trình bày.

Bị cáo Như thống nhất ý kiến của Luật sư H trình bày

Người bào chữa cho bị cáo P, Luật sư Nguyễn Thị Bích T1 trình bày: Viện công tố đã chấp nhận các tài liệu gia đình cung cấp và chấp nhận kháng cáo của bị cáo P. Thống nhất quan điểm của Luật sư H liên quan quy trình bù, trừ rút nộp giữa các giao dịch viên. Tội danh, Luật sư thống nhất như Tòa án cấp sơ thẩm là Điều 206 Bộ Luật Hình sự. Bị cáo P phạm tội do tin tưởng đồng nghiệp, không có động cơ vụ lợi. Bị cáo đứng tại phiên tòa cảnh tỉnh cho bị cáo và những người khác ngoài xã hội. Bị cáo sinh trưởng trong gia đình có nền tảng giáo dục tốt. Cha bị cáo có nhiều thành tích đóng góp vì sự nghiệp phát thanh, Đoàn, được tặng thưởng Bằng khen, giấy khen. Mẹ bị cáo là phó hiệu trưởng trường Đại học ở C, tài liệu khen thưởng gia đình đã cung cấp. Mong Hội đồng xét xử xem xét, thể hiện tính nhân đạo cho bị cáo. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, có thể xử bị cáo hình phạt mức dưới khung, xử bị cáo mức 08-09 năm tù là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo P, Luật sư Nguyễn Thị B trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư T1. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo P.

Bị cáo P trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư trình bày.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Người bào chữa cho bị cáo N đề nghị chuyển tội danh là không có cơ sở. Về quyết định và hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét. Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm.

Bị cáo P trình bày: Xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N trình bày: Sự việc xảy ra ngày 13/9. Bị cáo không có hưởng lợi. Mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Ngày 13/9/2023, để có tiền thanh toán đơn hàng trên ứng dụng website của trang bán hàng Lazada nhằm hưởng tiền hoa hồng, Hứa Hoàng L đã lợi dụng nhiệm vụ được giao là Giao dịch viên của Ngân hàng G - Phòng G, đưa thông tin gian dối với các nhân viên khác của Phòng G rằng khách hàng hoặc L đã có đủ tiền mặt tại quầy giao dịch của L sau đó yêu cầu các nhân viên này thực hiện các thao tác nghiệp vụ nộp tiền vào tài khoản do L chỉ định. Theo đó, nhân viên phòng G đã hạch toán chuyển tiền từ quỹ của Ngân hàng G đến tài khoản của L và Trần Ngọc Đ1 mở tại Ngân hàng G với tổng số tiền 5.134.520.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, L đã sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng không nộp tiền mặt về Ngân hàng G. Ngoài ra, khi được Thủ quỹ tiếp quỹ 100.000.000 đồng để L quản lý, giao dịch với khách hàng

tại quầy giao dịch, L còn chiếm đoạt số tiền 85.000.000 đồng để phục vụ mục đích cá nhân như đã nêu trên.

Các bị cáo Hồ Ngọc P1, Huỳnh Công D – N2 là giao dịch viên, bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N – Nguyên là kiểm soát viên, bị cáo La Bá P – N2 là Thủ quỹ, biết rõ khi lập, kiểm soát và thực hiện 05 chứng từ nộp tiền cho Hứa Hoàng L phải tuân thủ Quyết định số 1789/2005/QĐ-NHNN ngày 12/12/2005 về việc ban hành chế độ chứng từ kế toán ngân hàng do Ngân hàng N4 ban hành. Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định 156/NVQĐ-QLNQ.23 ngày 31/7/2023 của Ngân hàng G về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá thì “Hạn mức thu tiền tại quầy của giao dịch viên là dưới 200.000.000 đồng; hạn mức thu tại quầy của Thủ quỹ/kiểm ngân là từ 200.000.000 đồng trở lên”. Tuy nhiên, đối chiếu với 05 Giấy nộp tiền do các nhân viên trên thực hiện, kiểm soát đều trên 200.000.000 đồng nhưng tất cả đều thể hiện giao dịch viên là người thu tiền, trái với quy định của Ngân hàng G.

Bị cáo La Bá P – Nguyên Thủ quỹ Phòng G, thực hiện hạch toán nhập quỹ trên hệ thống nghiệp vụ ngân hàng lõi của Ngân hàng TMCP Á1 (DNA) đối với 05 chứng từ nộp tiền vào tài khoản của Hứa Hoàng L nhưng thực tế không có tiền mặt nộp về bộ phận ngân quỹ, tạo điều kiện thuận lợi cho Hứa Hoàng L chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Ngân hàng TMCP Á1 số tiền 5.134.520.000 đồng.

Bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N - Kiểm soát viên Phòng G, thực hiện ký, phê duyệt chứng từ trên hệ thống và hạch toán giao dịch đối với 05 chứng từ nộp tiền không do Hồ Ngọc P1 và Huỳnh Công D tạo lập ngày 13/9/2023 nhưng không kiểm tra, không kiểm soát thực tế giao dịch nộp tiền mặt vào tài khoản đã có đủ tiền mặt hay chưa, không xác thực thông tin tại thời điểm nộp tiền với thủ quỹ/kiểm ngân, tạo điều kiện cho L chiếm đoạt, gây thiệt hại cho Ngân hàng TMCP Á1 số tiền 5.134.520.000 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” theo khoản 4 Điều 206 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo. Mặc dù, hành vi phạm tội của các bị cáo đều chỉ diễn ra trong ngày 13/9/2023 nhưng được hạch toán nhiều lần với nhiều chứng từ được lập không nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, hoàn cảnh gia

đình có khó khăn nhất định như trình bày của các luật sư; hành vi phạm tội xuất phát từ việc tin tưởng đồng nghiệp, không hưởng lợi cá nhân.

Ngoài ra, hồ sơ thể hiện ngay cuối ngày khi phát hiện sự việc bị cáo N gửi đơn tố cáo đến Công an quận B (BL 01348) và bị cáo N, P cam kết tích cực hợp tác cơ quan điều tra làm rõ nội dung vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo N cũng tác động gia đình tự nguyện nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục số tiền thiệt hại mà bị cáo L gây ra, bị cáo N có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, được Ngân hàng tặng khen thưởng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo N và các tài liệu chứng cứ gia đình bị cáo N bổ sung. Bị cáo P cung cấp thêm nhiều tài liệu cha mẹ, bác ruột có công và nhiều thành tích trong công tác thiện nguyện.

Các bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự như Luật sư trình bày, Bị cáo Như, P cũng thấy rõ sự sai phạm của mình nên để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, xử bị cáo ở đầu khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, có thêm tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, P, sửa án sơ thẩm về hình phạt đối với hai bị cáo N và P.

Ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét cho bị cáo P và bị cáo N theo quy định pháp luật cùng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Ý kiến của Luật sư H đề nghị chuyển tội danh cho bị cáo Như không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của các Luật sư H, H1, T1, B đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo P và bị cáo N, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nghiêm Thị Quỳnh N và La Bá P, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 206; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: **Nghiêm Thị Quỳnh N** 12 (mười hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo **Nghiêm Thị Quỳnh N** (do **Lê Thị Ánh N3** thay) đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005720 ngày 23/9/2025 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nộp để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo **Hứa Hoàng L**.

Căn cứ khoản 4 Điều 206; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: **La Bá P** 12 (mười hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

2. Các nội dung khác trong quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 317/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Nghiêm Thị Quỳnh N** và **La Bá P** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Bị cáo;
- Lưu (Án - NTTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương